

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2022.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Khánh Long.

Ông Sơn khem.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2022/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Kim T, sinh năm 1980; (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp T L, xã L T, huyện V L, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Ông Lâm V, sinh năm 1981; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm V T, Phường Y, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2022, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lâm Kim T trình bày:

Bà Lâm Kim T và ông Lâm V kết hôn với nhau vào năm 2010 và được Ủy ban nhân dân xã L T, huyện V L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào

ngày 21/9/2010. Trong thời gian chung sống với nhau có 01 đứa con chung tên Lâm Thái B (giới tính nam), sinh ngày 06/7/2008. Do bất đồng quan điểm và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên bà Lâm Kim T và ông Lâm V không còn sống chung với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay bà Lâm Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Lâm V.

- Về con chung: Tùy theo nguyện vọng của em Lâm Thái B (Nam), sinh ngày 06/7/2008 muốn sống với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng; nếu con muốn sống với cha, bà T đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng và cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Nếu con muốn sống với mẹ thì bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lâm V:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Lâm V để tham gia phiên tòa nhưng ông Lâm V vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho ông Lâm V biết.

Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn ông Lâm V chưa chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án tại các phiên họp và hòa giải. Đồng thời, bị đơn ông Lâm V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lâm V theo quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Lâm Kim T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Lâm Kim T theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Kim T được ly hôn với ông Lâm V.

+ Về con chung: Giao cháu Lâm Thái B (nam), sinh ngày 06/7/2008 cho bà Lâm Kim T tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Kim T không yêu cầu ông Lâm V phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Bà Lâm Kim T trình bày, tự thỏa thuận, nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà Lâm Kim T trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1]. Nguyên đơn Bà Lâm Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: “*Ly hôn; tranh chấp nuôi con*” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Lâm Kim T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Lâm Kim T theo quy định của pháp luật.

[3] Bị đơn ông Lâm V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lâm V theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Kim T với ông Lâm V được xác lập vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Kim T với ông Lâm V là hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do trong thời gian sống chung với nhau bà Lâm Kim T với ông Lâm V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Tại đơn

khởi kiện, nguyên đơn Lâm Kim T kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lâm V. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Kim T với ông Lâm V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lâm Kim T được ly hôn với ông Lâm V.

[2] *Về con chung*: Đối với cháu Lâm Thái B (nam), sinh ngày 06/7/2008 hiện nay do bà Lâm Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, bà Lâm Kim T có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục cháu B trong môi trường lành mạnh, đảm bảo sự phát triển của con tốt về thể chất cũng như tinh thần. Đồng thời, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu B. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lâm Thái B (nam), sinh ngày 06/7/2008 cho bà Lâm Kim T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Kim T không yêu cầu ông Lâm V phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung*: Bà Lâm Kim T trình bày, tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Bà Lâm Kim T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Lâm Kim T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58; 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Kim T được ly hôn với bị đơn ông Lâm V.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Thái B (nam), sinh ngày 06/7/2008 cho bà Lâm Kim T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Kim T không yêu cầu ông Lâm V phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian bà Lâm Kim T nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha, mẹ đối với con chung.

4. Về tài sản chung: Bà Lâm Kim T trình bày tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Lâm Kim T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét không xem xét giải quyết.

6. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Kim T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 0002375 ngày 19/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Bà Lâm Kim T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- VKSND TXVC;
- THADS TXVC;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã L T, H.V L, Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Phương

